Tra cứu Biểu thuế XNK Việt Nam

Chi tiết mã HS 8468.10.00

Mã HS	8468.10.00
Mô tả hàng hóa	Thiết bị và dụng cụ dùng để hàn thiếc, hàn đồng hoặc hàn khác, có hoặc không có khả năng cắt, trừ các loại thuộc nhóm 85.15; máy và thiết bị dùng để tôi bề mặt sử dụng khí ga / - Ống xì cầm tay
Đơn vị	chiếc
Thời điểm tạo	06/11/2026 06:31:19
Phiên bản dữ liệu	2026.04.05 – BIEU THUE XNK 2026.04.05.xlsx
Trạng thái xác minh	Dữ liệu biểu thuế đối chiếu file nguồn; khuyến cáo/mapping là thông tin định hướng; điều kiện FTA chưa xác minh.
Liên kết	https://vietnamtariff.com/hs-code/84681000/

Thuế áp dụng năm 2026

Biểu thuế	Giá trị gốc	Thuế suất	Văn bản	hiệu lực	Nguồn
Thuế NK thông thường	5	5%	15/2023/QĐ-TTg	2023-07-15	BT2026!K14297
Thuế NK ưu đãi (MFN)	0	0%	26/2023/NĐ-CP	2023-07-15	BT2026!N14297
Thuế GTGT (VAT)	8/10	8 / 10 (nhiều mức)	181/2025/NĐ-CP	2025-07-01	BT2026!Q14297
Thuế tiêu thụ đặc biệt		Không có dữ liệu			
Thuế bảo vệ môi trường		Không có dữ liệu			
Thuế xuất khẩu		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi CPTPP		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi EVFTA		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi UKVFTA		Không có dữ liệu			

Thuế suất ưu đãi đặc biệt (FTA) – 2026

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
AANZFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AANZ	121/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
ACFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	E	118/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AHKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	AHK	123/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/01/2026 - 31/12/2026	AI	122/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AJCEP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	AJ	120/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AK	119/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ATIGA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	D	126/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
CPTPP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	(VI)	CPTPP	115/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
EVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	116/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục A)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục B)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục C)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục D)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục E)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục F)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
UKVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	117/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
VCFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VC	112/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VJEPA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	JV · Form VJ	124/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VK	125/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-EAEU	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EAV	113/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-LAO	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026		S	206/2025/NĐ-CP	Thuế suất %
VIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	Form VI (verify)	131/2024/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-CAM		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		S	56/2026/NĐ-CP	Không có dữ liệu
VNCU		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		VNCB · Form VC (Cuba)	114/2022/NĐ-CP	Không có dữ liệu

Lịch sử / lộ trình thuế suất theo năm

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
ACFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AC!E13637
ATIGA	2022	2022	0	AT!E13578
ATIGA	2023	2023	0	AT!F13578
ATIGA	2024	2024	0	AT!G13578
ATIGA	2025	2025	0	AT!H13578
ATIGA	2026	2026	0	AT!I13578
ATIGA	2027	2027	0	AT!J13578
AJCEP	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	AJ!E13632
AJCEP	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	AJ!F13632

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
AJCEP	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	AJ!G13632
AJCEP	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	AJ!H13632
AJCEP	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	AJ!I13632
AJCEP	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	AJ!J13632
VJEPA	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	VJ!E13633
VJEPA	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	VJ!F13633
VJEPA	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	VJ!G13633
VJEPA	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	VJ!H13633
VJEPA	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	VJ!I13633
VJEPA	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	VJ!J13633
AKFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AK!F13636
AANZFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AANZ!H13584
AIFTA	30/12/2022	2022	0	AI!F13592
AIFTA	31/12/2022 - 30/12/2023	2023	0	AI!G13592
AIFTA	31/12/2023 - 30/12/2024	2024	0	AI!H13592
AIFTA	31/12/2024 - 31/12/2025	2025	0	AI!I13592
AIFTA	01/01/2026 - 31/12/2026	2026	0	AI!J13592
AIFTA	01/01/2027 - 31/12/2027	2027	0	AI!K13592
VKFTA	2022	2022	0	VK!E13623
VKFTA	2023	2023	0	VK!F13623
VKFTA	2024	2024	0	VK!G13623
VKFTA	2025	2025	0	VK!H13623
VKFTA	2026	2026	0	VK!I13623
VKFTA	2027	2027	0	VK!J13623
VCFTA	2022	2022	0	VC!D13672
VCFTA	2023	2023	0	VC!E13672

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
VCFTA	2024	2024	0	VC!F13672
VCFTA	2025	2025	0	VC!G13672
VCFTA	2026	2026	0	VC!H13672
VCFTA	2027	2027	0	VC!I13672
VN-EAEU	2022	2022	0	EAV!D13655
VN-EAEU	2023	2023	0	EAV!E13655
VN-EAEU	2024	2024	0	EAV!F13655
VN-EAEU	2025	2025	0	EAV!G13655
VN-EAEU	2026	2026	0	EAV!H13655
VN-EAEU	2027	2027	0	EAV!I13655
AHKFTA	2022	2022	0	AKH!D13655
AHKFTA	2023	2023	0	AKH!E13655
AHKFTA	2024	2024	0	AKH!F13655
AHKFTA	2025	2025	0	AKH!G13655
AHKFTA	2026	2026	0	AKH!H13655
AHKFTA	2027	2027	0	AKH!I13655
EVFTA	2022	2022	0	EV-NK!D13670
EVFTA	2023	2023	0	EV-NK!E13670
EVFTA	2024	2024	0	EV-NK!F13670
EVFTA	2025	2025	0	EV-NK!G13670
EVFTA	2026	2026	0	EV-NK!H13670
EVFTA	2027	2027	0	EV-NK!I13670
UKVFTA	2022	2022	0	UKV!D13669
UKVFTA	2023	2023	0	UKV!E13669
UKVFTA	2024	2024	0	UKV!F13669
UKVFTA	2025	2025	0	UKV!G13669

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
UKVFTA	2026	2026	0	UKV!H13669
UKVFTA	2027	2027	0	UKV!I13669
CPTPP	(I)	2021 (DERIVED)	0	CPTPP!D13649
CPTPP	(II)	2022 (DERIVED)	0	CPTPP!E13649
CPTPP	(III)	2023 (DERIVED)	0	CPTPP!F13649
CPTPP	(IV)	2024 (DERIVED)	0	CPTPP!G13649
CPTPP	(V)	2025 (DERIVED)	0	CPTPP!H13649
CPTPP	(VI)	2026 (DERIVED)	0	CPTPP!I13649
CPTPP	(VII)	2027 (DERIVED)	0	CPTPP!J13649
RCEP A	2022	2022	0	RCEPT-A!D13657
RCEP A	2023	2023	0	RCEPT-A!E13657
RCEP A	2024	2024	0	RCEPT-A!F13657
RCEP A	2025	2025	0	RCEPT-A!G13657
RCEP A	2026	2026	0	RCEPT-A!H13657
RCEP A	2027	2027	0	RCEPT-A!I13657
RCEP B	2022	2022	0	B!D13657
RCEP B	2023	2023	0	B!E13657
RCEP B	2024	2024	0	B!F13657
RCEP B	2025	2025	0	B!G13657
RCEP B	2026	2026	0	B!H13657
RCEP B	2027	2027	0	B!I13657
RCEP C	2022	2022	0	C!D13657
RCEP C	2023	2023	0	C!E13657
RCEP C	2024	2024	0	C!F13657
RCEP C	2025	2025	0	C!G13657
RCEP C	2026	2026	0	C!H13657

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
RCEP C	2027	2027	0	C!I13657
RCEP D	2022	2022	0	D!D13656
RCEP D	2023	2023	0	D!E13656
RCEP D	2024	2024	0	D!F13656
RCEP D	2025	2025	0	D!G13656
RCEP D	2026	2026	0	D!H13656
RCEP D	2027	2027	0	D!I13656
RCEP E	2022	2022	0	E!D13660
RCEP E	2023	2023	0	E!E13660
RCEP E	2024	2024	0	E!F13660
RCEP E	2025	2025	0	E!G13660
RCEP E	2026	2026	0	E!H13660
RCEP E	2027	2027	0	E!I13660
RCEP F	2022	2022	0	F!D13657
RCEP F	2023	2023	0	F!E13657
RCEP F	2024	2024	0	F!F13657
RCEP F	2025	2025	0	F!G13657
RCEP F	2026	2026	0	F!H13657
RCEP F	2027	2027	0	F!I13657
VIFTA	2024	2024	0	VI!F12676
VIFTA	2025	2025	0	VI!G12676
VIFTA	2026	2026	0	VI!H12676
VIFTA	2027	2027	0	VI!I12676

Khuyến cáo & cảnh báo

Mã rủi ro	Mức	Tên rủi ro	Mô tả	Dữ liệu liên quan	Căn cứ pháp lý	Khuyến nghị	Trạng thái xác minh
OR-001	YELLOW	Chưa có nước xuất xứ	Chưa thể đánh giá FTA khi chưa có nước xuất xứ.			Nhập nước xuất xứ để so sánh các biểu thuế ưu đãi đặc biệt.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TAX-001	YELLOW	Nhiều mức thuế GTGT	Cột VAT ghi “8/10”.		181/2025/NĐ-CP	Xác định mức VAT theo bản chất hàng hóa và quy định giảm thuế (174/2025/NĐ-CP, Phụ lục I/II).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TR-004	GRAY	Not Assessed – Additional Regulatory Verification Required	File nguồn không ghi nhận biện pháp phòng vệ thương mại cho mã 8468.10.00. Điều này KHÔNG có nghĩa là không có rủi ro.			Kiểm tra cơ sở dữ liệu phòng vệ thương mại của Bộ Công Thương (Cục Phòng vệ thương mại).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
DQ-001	GREEN	Thuế MFN có trong biểu nguồn	Thuế suất MFN 0% của mã 8468.10.00 được đối chiếu với BT2026 (ô BT2026!N14297), căn cứ 26/2023/NĐ-CP.		26/2023/NĐ-CP	Phạm vi xác minh: đối chiếu với file nguồn phiên bản 2026.04.05, không thay thế văn bản pháp luật.	Đã đối chiếu với file biểu thuế nguồn

Báo cáo mang tính tham khảo, được tạo tự động từ dữ liệu biểu thuế nguồn và quy tắc khuyến cáo. Đây không phải quyết định của cơ quan hải quan, không xác nhận mã HS, điều kiện hưởng FTA hay hiệu lực pháp lý. Người dùng chịu trách nhiệm đối chiếu văn bản pháp luật hiện hành.